

Bản án số: 10/2022/HSST
Ngày 25 tháng 01 năm 2022

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH – TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Nga

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Trần Thị Hải Yến

2. Bà Trần Thị Kim Khuyên

- Thư ký phiên tòa: Bà Lại Phương Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Thuý Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 88/2021/TLST-HS ngày 31 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 88/2022/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 01 năm 2022 đối với bị cáo:

Họ và tên: Hà Văn C, sinh ngày 02/01/1994, tại tỉnh V

Nơi ĐKKHKT và cư trú: thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh V; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; bố đẻ: Hà Minh T; mẹ đẻ: Nguyễn Thị T1; vợ, con: chưa có; tiền án: có 01, Bản án số 128/2019/HSST ngày 11/9/2019, Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ xử phạt 18 tháng tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” (Ngày 11/10/2019 bản án có hiệu lực pháp luật, do bị cáo được tại ngoại nên đến ngày 25/4/2020 trộm cắp tài sản nêu trên); tiền sự: Không;

Nhân thân: Bản án số 01/2015/HSST ngày 30/01/2015, Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 02 năm 03 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy. Chung chấp hành xong hình phạt tù ngày 30/10/2016, đã chấp hành xong các quyết định khác của bản án, đã được xóa án tích.

Bị cáo hiện đang chấp hành hình phạt tù của bản án số 128/2019/HSST tại trại giam Vĩnh Quang, Bộ Công an, (có mặt).

- Bị hại: Ông Hà Minh T, sinh năm 1958; bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1962
- Nơi cư trú: thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh V (có mặt)
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Chị Hà Thị Bích T2, sinh năm 1983; Nơi cư trú: Ngõ 12, phường K, thành phố V, tỉnh V (vắng mặt)
- Người làm chứng: Chị Nguyễn Thị T3, sinh năm 1977; Nơi cư trú: thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh V (vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 25/4/2020, Hà Văn C đi chơi về nhà tại thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh V. Khi về nhà C thấy bố mẹ để là ông Hà Minh T và bà Nguyễn Thị T1 đã đi ngủ và để chiếc xe mô tô biển kiểm soát 88K1-043.16 là tài sản của bố mẹ C ở khu chuồng chăn nuôi nên C nảy sinh ý định trộm cắp đem đi bán lấy tiền tiêu xài. Do biết chìa khoá xe thường để ở bờ lan can trước nhà nên C lấy chìa khoá, dắt xe ra cổng rồi khoá cổng lại và nổ máy xe đi xuống thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc tìm nơi tiêu thụ. Đến ngày 27/4/2020, C mang xe đến cầm cố cho anh Nguyễn Anh T4, sinh năm 1987 ở tổ dân phố Đ, phường K, thành phố V, tỉnh V được 4.000.000đ và tiêu xài cá nhân hết. Sáng ngày 26/4/2020, ông T, bà T1 phát hiện mất xe, nghi ngờ C là người trộm cắp nên làm đơn trình báo đến cơ quan Công an. Ngày 07/5/2020, Chung gặp chị họ là Nguyễn Thị T3, C nói với chị T3 đã lấy trộm xe của ông T, bà T2 mang đi cầm cố, không có tiền lấy xe về. Sau đó, chị T3 liên lạc với chị gái ruột của C là chị Hà Thị Bích T2 kể lại sự việc, chị T2 chuyển 4.000.000đ vào tài khoản trả cho anh T4 rồi lấy xe về.

Căn cứ yêu cầu định giá tài sản số 274 ngày 15/5/2020 của cơ quan CSĐT Công an huyện Lập Thạch ngày 29/5/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Lập Thạch có văn bản số 383/KL-HĐĐG kết luận: “01 xe mô tô BKS 88K1-043.16 loại xe Wave, nhãn hiệu Honda màu đen-bạc, số khung: 144419, số máy 2944451, xe đăng ký năm 2011, đã qua sử dụng được định giá 9.800.000đ” (Bút lục số 32-34)

Đối với Nguyễn Anh T4 đã cho C cầm cố xe, quá trình điều tra C khai khi đến cầm cố xe không nói cho T4 biết xe là do phạm tội mà có, cơ quan điều tra triệu tập nhiều lần nhưng hiện T4 không có mặt tại địa phương. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau.

Về vật chứng vụ án, trách nhiệm dân sự:

- Ông T, bà T1 đã lấy lại được xe mô tô biển kiểm soát 88K1-043.16 do C trộm cắp nên không có yêu cầu C phải bồi thường gì và xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho C.

- Đối với số tiền chị T2 trả cho T4 để chuộc xe máy về chị T2 tự nguyện không yêu cầu C phải trả lại.

Tại bản cáo trạng số: 07/CT- VKS ngày 29 tháng 12 năm 2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch truy tố Hà Văn C về tội “Trộm cắp tài sản” theo Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch luận tội đối với bị cáo Hà Văn C, giữ nguyên quyết định truy tố như nội dung bản cáo trạng đã nêu. Sau khi đánh giá, tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, đề nghị Hội đồng xét xử, tuyên bố bị cáo Hà Văn C phạm tội: “Trộm cắp tài sản”; áp dụng Khoản 1 Điều 173; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm h Khoản 1 Điều 52, Điều 55, Điều 56 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo C từ 12 tháng tù đến 15 tháng tù. Tổng hợp hình phạt 18 tháng tù tại Bản án số 128/2019/HSST ngày 11/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ. Buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung là 23 tháng 18 ngày đến 26 tháng 18 ngày tù (được trừ thời gian tạm giam từ ngày 27/5/2019 đến ngày 11/7/2019 tại Bản án 128), thời hạn tù tính từ ngày tuyên án sơ thẩm; không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như luận tội của đại diện Viện kiểm sát và xác định bị cáo không bàn bạc và không cùng ai khác trộm cắp tài sản của ông T, bà T1. Bị cáo không có ý kiến tranh luận.

Bị hại: Ông T, bà T1 xác định xe máy là do ông T quản lý, giấy tờ mua xe ông T đứng tên và bà T1 là người sử dụng hàng ngày. Nay ông T, bà T1 đề nghị Tòa án không xét xử đối với bị cáo vì ông bà đã rút đơn tố cáo từ giai đoạn điều tra.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Lập Thạch, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy

định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về tố tụng: Tại phiên tòa, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hà Thị Bích T2 vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy: chị T2 đã có lời khai đầy đủ trong quá trình điều tra và không có yêu cầu bị cáo trả lại tài sản. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự xét xử vắng mặt chị T2.

[2] Xét tính chất, mức độ, hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Tại phiên tòa bị cáo Hà Văn C đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch đã truy tố. Xét lời nhận tội của bị cáo hoàn toàn phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, bản kiểm điểm của bị cáo, lời khai của bị hại, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và những tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở để xác định: Xuất phát từ động cơ, mục đích tư lợi để có tiền tiêu xài cá nhân, nên khoảng 23 giờ ngày 25/4/2020, Hà Văn C đã có hành vi trộm cắp tài sản của ông Hà Minh T và bà Nguyễn Thị T1 ở thôn Đ, xã T, huyện L, tỉnh V 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 88K1-043.16 để ở khu chuồng chăn nuôi của gia đình, trị giá tài sản 9.800.000đ sau đó đem cầm cố lấy tiền tiêu xài cá nhân hết

Hành vi nêu trên của Hà Văn C đã phạm vào tội: “Trộm cắp tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Điều luật quy định: “1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng ... thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm...”

Xét tính chất vụ án tuy là ít nghiêm trọng, nhưng hành vi phạm tội của bị cáo là táo bạo, gây nguy hiểm cho xã hội. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây dư luận bất bình trong nhân dân. Bị cáo là người có sức khỏe nhưng không chịu khó làm ăn chân chính mà lại lợi dụng sơ hở của người khác nhằm chiếm đoạt tài sản, bị cáo biết rõ hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn thực hiện với lỗi cố ý. Bản thân bị cáo là người có nhân thân xấu, tại Bản án số 01/2015/HSST ngày 30/01/2015 của Tòa án nhân dân huyện Bình Xuyên, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 02 năm 03 tháng tù về tội Mua bán trái phép chất ma túy (đã được xóa án tích). Đến năm 2019, tại Bản án số 128/2019/HSST ngày 11/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ xử phạt 18 tháng tù về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*”, bị cáo chưa được xóa án tích nhưng bị cáo không lấy đó làm bài học, để tu dưỡng rèn luyện bản thân mà vẫn

tiếp tục phạm tội, điều đó thể hiện sự coi thường pháp luật của bị cáo. Tài sản bị cáo trộm cắp là tài sản mà bố, mẹ bị cáo đang quản lý, sử dụng. Mặc dù, bị hại không yêu cầu truy tố, xét xử đối với bị cáo nhưng hành vi của bị cáo đã cấu thành tội trộm cắp tài sản nên việc truy tố, xét xử bị cáo là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Vì vậy, phải đưa ra xử lý nghiêm minh trước pháp luật và có hình phạt tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo, như vậy mới có tác dụng cải tạo giáo dục riêng đối với bị cáo và răn đe, giáo dục, phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, sau khi phạm tội bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, bị hại có đơn đề nghị giảm nhẹ hình phạt, không xem xét truy cứu trách nhiệm hình sự đối với bị cáo nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là “tái phạm” theo Điểm h Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Trên cơ sở xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, điều kiện nhân thân, hoàn cảnh, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, song dù giảm nhẹ cũng cần phải xử phạt bị cáo với mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ về hành vi bị cáo đã thực hiện như mức hình phạt đại diện Viện kiểm sát đề nghị là phù hợp.

[3] Về áp dụng hình phạt bổ sung:

Qua xem xét điều kiện, hoàn cảnh của bị cáo thấy rằng: bị cáo không có tài sản riêng có giá trị lớn, không có thu nhập, nghề nghiệp ổn định. Vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng vụ án:

Sau khi sự việc xảy ra, bị hại đã nhận lại tài sản bị trộm cắp, chị Thảo tự nguyện bồi thường cho bị cáo và không ai yêu cầu bị cáo phải bồi thường, trả lại tài sản nên vấn đề trách nhiệm dân sự Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Đối với Nguyễn Anh T4 đã cho C cầm cố xe, quá trình điều tra C khai khi đến cầm cố xe không nói cho T4 biết xe là do phạm tội mà có, cơ quan điều tra triệu tập nhiều lần nhưng hiện T4 không có mặt tại địa phương. Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, làm rõ xử lý sau là có căn cứ.

[5] Về án phí: bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; Điểm s Khoản 1, Khoản 2 Điều 51; Điểm h Khoản 1 Điều 52, Điều 56 Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Hà Văn C phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Xử phạt: Bị cáo Hà Văn C 01 (một) năm tù. Tổng hợp với phần hình phạt chưa chấp hành tại Bản án số 128/2019/HSST ngày 11/9/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Việt Trì, tỉnh Phú Thọ (bị cáo đã chấp hành được 06 tháng 12 ngày). Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung cho cả hai bản án là 01 (một) năm 11 (mười một) tháng 18 (mười tám) ngày, được trừ thời hạn tạm giam từ ngày 27/5/2019 đến ngày 11/7/2019, thời hạn tù tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 25/01/2022.

2. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo để yêu cầu xét xử phúc thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện Lập Thạch;
- Chi cục THADS Lập Thạch;
- Công an huyện Lập Thạch;
- Sở Tư pháp Vĩnh Phúc;
- UBND xã T;
- Bị cáo; Bị hại, Người có QLNVLQ;
- Lưu: Hồ sơ, Văn phòng.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lê Thị Nga